

 CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT13.CC
	CẤP THẺ CĂN CƯỚC CHO NGƯỜI DƯỚI 14 TUỔI	Lần ban hành:
		Ngày ban hành: Ngày sửa đổi:

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

I. MỤC ĐÍCH

II. PHẠM VI

III. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

IV. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

V. NỘI DUNG QUY TRÌNH

VI. BIỂU MẪU

VII. HỒ SƠ CẢN LƯU

	SOẠN THẢO	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT
Họ tên	Trung tá Nguyễn Thị Hồng Chuyên	Trung tá Nguyễn Quang Sang	Đại tá Trần Minh Trúc
Chữ ký			
Chức vụ	Đội trưởng	Trưởng phòng	Phó Giám đốc CAT



Ngày sửa đổi:

[illegible]

 CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT13.CC
	CẤP THẺ CĂN CƯỚC CHO NGƯỜI DƯỚI 14 TUỔI	Lần ban hành:
		Ngày ban hành: Ngày sửa đổi:

I. MỤC ĐÍCH

- Quy định nội dung, trình tự và trách nhiệm trong việc cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Nhằm minh bạch thủ tục, kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

II. PHẠM VI

- Áp dụng trong giải quyết thủ tục hành chính Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi.

- Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Khánh Hòa thực hiện quy trình này.

III. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.
- Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong Công an nhân dân.
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1.

IV. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- TTHC: Thủ tục hành chính.
- CSDLQG: Cơ sở dữ liệu quốc gia.
- CSDL: Cơ sở dữ liệu
- CSQLHC về TTXH: Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ: Bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh Khánh Hòa.

 CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT13.CC
	CẤP THẺ CĂN CƯỚC CHO NGƯỜI DƯỚI 14 TUỔI	Lần ban hành:
		Ngày ban hành: Ngày sửa đổi:

V. NỘI DUNG QUY TRÌNH

	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước; - Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước; - Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước; - Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; - Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17/11/2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17/11/2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước; - Quyết định số 5710/QĐ-BCA-C06 ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an; - Quyết định số 7163/QĐ-BCA ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần; - Quyết định số 5799/QĐ-BCA-V03 ngày 07/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Bộ Công an.		
5.1			
5.2	Đối tượng thực hiện TTHC		
	Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi.		
5.3	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC		
	Không.		
5.4	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao (chứng

 CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT13.CC
	CẤP THẺ CĂN CƯỚC CHO NGƯỜI DƯỚI 14 TUỔI	Lần ban hành:
		Ngày ban hành: Ngày sửa đổi:

			thực hoặc kèm bản chính để đối chiếu)
	- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong CSDLQG về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận. - Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến. - Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.	X	
	- Trường hợp công dân chưa có thông tin trong CSDLQG về dân cư thì hồ sơ còn có: Phiếu thu thập thông tin dân cư (Mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an); - Giấy tờ, tài liệu pháp lý chứa thông tin công dân.	X	X
5.5	Số lượng hồ sơ		
	01 (một) bộ.		
5.6	Thời gian xử lý		
	Không quá 07 ngày làm việc.		
5.7	Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả		
	- Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần hoặc theo lịch tiếp nhận hồ sơ của đơn vị (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật). - Trực tiếp tại Phòng CSQLHC về TTXH trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú. - Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp thẻ căn cước.		
5.8	Lệ phí		
	Không.		

 CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT13.CC
	CẤP THẺ CĂN CƯỚC CHO NGƯỜI DƯỚI 14 TUỔI	Lần ban hành:
		Ngày ban hành: Ngày sửa đổi:

5.9	Kết quả thực hiện thủ tục			
	Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).			
5.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Trường hợp người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi thông qua công dịch vụ công hoặc ứng dụng định danh quốc gia thì lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của người dưới 06 tuổi trong CSDLQG về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì người đại diện hợp pháp xác nhận chuyên hồ sơ đề nghị đến cơ quan Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú xem xét, giải quyết việc cấp thẻ căn cước. + Trường hợp thực hiện trực tiếp tại Phòng CSQLHC về TTXH, Công an cấp tỉnh, người đại diện hợp pháp đưa người dưới 14 tuổi đến địa điểm làm thủ tục cấp thẻ căn cước. (Lưu ý: Lộ trình cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi trở lên tại Phòng CSQLHC về TTXH, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an).	Công dân	Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần hoặc theo lịch tiếp nhận hồ sơ của đơn vị (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật)	Mục 5.4
B2	Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong CSDLQG về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước. + Trường hợp thông tin công dân chưa có trong CSDLQG về dân cư,	Công dân	½ ngày làm việc	

 CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT13.CC
	CẤP THẺ CĂN CƯỚC CHO NGƯỜI DƯỚI 14 TUỔI	Lần ban hành:
		Ngày ban hành: Ngày sửa đổi:

	cán bộ thu nhận đề nghị công dân xuất trình một trong các loại giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thông tin cá nhân và hướng dẫn thu thập, cập nhật thông tin vào CSDLQG về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước. + Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong CSDLQG về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước. + Trường hợp thông tin công dân đầy đủ, chính xác thì sử dụng thông tin của công dân trong CSDLQG về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước. + Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước.			
B3	Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh móng mắt của người từ đủ 06 tuổi đến dưới 14 tuổi.	Cán bộ, Bộ phận chuyên môn, nghịệp vụ		Phiếu CC03
B4	In Phiếu thu nhận thông tin căn cước để người đại diện hợp pháp kiểm tra, ký xác nhận; in Phiếu thu thập thông tin dân cư (nếu có) cho người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận.	Cán bộ, Bộ phận chuyên môn, nghịệp vụ		- Phiếu CC01; - Phiếu DC01 (nếu có)
B5	Cấp giấy hẹn Trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước.	Cán bộ, Bộ phận chuyên môn, nghịệp vụ		Phiếu CC02

 CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT13.CC
	CẤP THẺ CĂN CƯỚC CHO NGƯỜI DƯỚI 14 TUỔI	Lần ban hành:
		Ngày ban hành: Ngày sửa đổi:

B6	Nhận kết quả trực tiếp tại Phòng CSQLHC về TTXH hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu	Cán bộ, Bộ phận chuyên môn, nghịệp vụ	Không quá 07 ngày làm việc	Thẻ căn cước
Lưu ý	- <i>Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ – BM.05 phải được thực hiện tại từng bước công việc của mục 5.10.</i> - <i>Các bước và trình tự công việc có thể được thay đổi cho phù hợp với cơ cấu tổ chức thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể của đơn vị.</i> - <i>Tổng thời gian phân bổ cho các bước công việc không vượt quá thời gian quy định hiện hành của thủ tục này.</i>			

VI. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM.01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM.02	Sổ tiếp nhận và theo dõi giải quyết hồ sơ
3	BM.03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM.04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
5	BM.05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
6	BM.06	Sổ theo dõi hồ sơ
7	DC01	Phiếu thu thập thông tin dân cư
8	DC02	Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước
9	DC03	Phiếu cung cấp thông tin trong CSDLQG về dân cư, CSDL căn cước
10	CC01	Phiếu thu nhận thông tin căn cước
11	CC02	Giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước
12	CC03	Thông báo từ chối giải quyết thủ tục về căn cước
13	CC04	Giấy xác nhận số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân

 CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA	QUY TRÌNH	Mã hiệu: QT13.CC
	CẤP THẺ CĂN CƯỚC CHO NGƯỜI DƯỚI 14 TUỔI	Lần ban hành:
		Ngày ban hành: Ngày sửa đổi:

VII. HỒ SƠ CẦN LƯU

Hồ sơ tại mục 5.4 được lưu tại Phòng CSQLHC về TTXH - Công an tỉnh Khánh Hòa theo quy định của pháp luật.